

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	HOSE	50	50
2	ABR	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt	HOSE	0	0
3	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	HOSE	0	0
4	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	HOSE	50	50
5	ACC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	HOSE	0	0
6	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	HOSE	50	50
7	ACL	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	HOSE	0	0
8	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	HNX	0	0
9	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	HOSE	0	0
10	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	HOSE	0	0
11	ADS	Công ty Cổ phần DAMSAN	HOSE	0	0
12	AGG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	HOSE	45	50
13	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK	HOSE	45	50
14	AMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu	HNX	0	0
15	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	40	50
16	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	HNX	0	0
17	ASG	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	HOSE	0	0
18	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	HOSE	30	50
19	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	HOSE	50	50
20	ATS	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	HNX	0	0
21	BAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	HNX	35	50
22	BAF	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	HOSE	50	50
23	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	HNX	0	0
24	BBS	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	HNX	0	0
25	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	HOSE	0	0
26	BCF	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	HNX	0	0
27	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	HOSE	50	50
28	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
29	BFC	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	HOSE	50	50
30	BHN	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	HOSE	50	50
31	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	50
32	BID	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	50
33	BKC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn	HNX	0	0
34	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	HOSE	0	0
35	BMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	HOSE	45	50
36	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	HOSE	50	50
37	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	HOSE	50	50
38	BPC	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	HNX	0	0
39	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	HOSE	0	0
40	BSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	HOSE	50	50
41	BSR	Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	HOSE	50	50
42	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	HOSE	45	50
43	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	HOSE	0	0
44	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	HNX	0	0
45	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	HOSE	50	50
46	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	HNX	50	50
47	BWE	Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương	HOSE	50	50
48	BXH	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	HNX	0	0
49	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	HNX	0	0
50	CAN	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	HNX	0	0
51	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	HNX	50	50
52	CAR	Công ty cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt	HNX	0	0
53	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi	HOSE	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
54	CCL	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HOSE	0	0
55	CCR	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	HNX	0	0
56	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	HOSE	30	50
57	CDN	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	HNX	0	0
58	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	HNX	50	50
59	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	HOSE	50	50
60	CIA	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh	HNX	0	0
61	CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	50
62	CJC	Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung	HNX	0	0
63	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn CIC	HOSE	0	0
64	CKV	Công ty Cổ phần CokyVina	HNX	0	0
65	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	HOSE	50	50
66	CLH	Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	HNX	0	0
67	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	HOSE	0	0
68	CLM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	HNX	0	0
69	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	HOSE	0	0
70	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	HNX	0	0
71	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	HOSE	50	50
72	CMS	Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	HNX	0	0
73	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	HOSE	0	0
74	CNG	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	HOSE	50	50
75	COM	Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	HOSE	0	0
76	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	HNX	0	0
77	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	HOSE	0	0
78	CRE	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	HOSE	40	50
79	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	HNX	0	0
80	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	HOSE	50	50
81	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
82	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương	HNX	0	0
83	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	HOSE	45	50
84	CTF	Công ty Cổ phần City Auto	HOSE	40	50
85	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	HOSE	50	50
86	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	HOSE	30	50
87	CTP	Công ty Cổ phần Hoà Bình Takara	HNX	0	0
88	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	HOSE	50	50
89	CTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	HOSE	50	50
90	CTT	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	0	0
91	CVT	Công ty Cổ phần CMC	HOSE	0	0
92	CX8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	HNX	0	0
93	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	HNX	0	0
94	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	HOSE	0	0
95	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	HNX	0	0
96	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	HNX	0	0
97	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	HOSE	0	0
98	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	HOSE	50	50
99	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)	HOSE	50	50
100	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	HOSE	0	0
101	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) số 2	HNX	0	0
102	DC4	Công ty Cổ phần Dicera Holdings	HOSE	40	50
103	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	HOSE	40	50
104	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	HOSE	50	50
105	DGC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	HOSE	50	50
106	DGW	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	HOSE	50	50
107	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	HOSE	50	50
108	DHC	Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre	HOSE	50	50
109	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
110	DHP	Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng	HNX	40	50
111	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	HNX	45	50
112	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	HOSE	50	50
113	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	HNX	0	0
114	DL1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven	HNX	0	0
115	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	HOSE	45	50
116	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	HNX	0	0
117	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	HNX	0	0
118	DP3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3	HNX	50	50
119	DPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	HOSE	45	50
120	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50
121	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	HOSE	50	50
122	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	HOSE	50	50
123	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3	HOSE	40	50
124	DSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	HOSE	0	0
125	DSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	HOSE	45	50
126	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	HOSE	50	50
127	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	HNX	0	0
128	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	HOSE	0	0
129	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	HNX	50	50
130	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	HNX	0	0
131	DTK	Tổng Công ty Điện lực TKV - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
132	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	HOSE	0	0
133	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	HNX	30	50
134	DVP	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	HOSE	50	50
135	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	HOSE	50	50
136	DXP	Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	HNX	50	50
137	DXS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	HOSE	35	50
138	EBS	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
139	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	HOSE	50	50
140	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	HNX	0	0
141	ELC	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM	HOSE	50	50
142	EVF	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	HOSE	40	50
143	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	HOSE	0	0
144	EVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS	HNX	0	0
145	FCM	Công ty Cổ phần Bê tông Phan Vũ Hà Nam	HOSE	0	0
146	FCN	Công ty Cổ phần FECON	HOSE	40	50
147	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	HOSE	0	0
148	FIT	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	HOSE	0	0
149	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	HOSE	50	50
150	FPT	Công ty Cổ phần FPT	HOSE	50	50
151	FRT	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	HOSE	50	50
152	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	HOSE	50	50
153	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50
154	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	HOSE	45	50
155	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	HNX	0	0
156	GEE	Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	HOSE	50	50
157	GEG	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	HOSE	40	50
158	GEX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	HOSE	50	50
159	GIC	Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	HNX	0	0
160	GLT	Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	HNX	0	0
161	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	HOSE	50	50
162	GMH	Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	HOSE	0	0
163	GMX	Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	0	0
164	GSP	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	HOSE	50	50
165	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	HOSE	0	0
166	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
167	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	HNX	0	0
168	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HOSE	40	50
169	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HOSE	50	50
170	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	HOSE	0	0
171	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	HNX	0	0
172	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HOSE	50	50
173	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cầm - Intimex	HNX	0	0
174	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HOSE	0	0
175	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	50
176	HDA	Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	HNX	0	0
177	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	50
178	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	HOSE	50	50
179	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HOSE	50	50
180	HGM	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HNX	0	0
181	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	HNX	0	0
182	HHP	Công ty Cổ phần HHP Global	HOSE	0	0
183	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	HOSE	30	50
184	HHV	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HOSE	45	50
185	HID	Công ty Cổ phần Halcom Vietnam	HOSE	0	0
186	HII	Công ty Cổ phần An Tiến Industries	HOSE	0	0
187	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	HNX	40	50
188	HKT	Công ty Cổ phần Đầu tư QP Xanh	HNX	0	0
189	HLC	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	HNX	0	0
190	HLĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	HNX	0	0
191	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	HOSE	0	0
192	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
193	HMR	Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	HNX	0	0
194	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	HOSE	0	0
195	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HOSE	50	50
196	HPX	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	HOSE	0	0
197	HQC	Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	HOSE	15	50
198	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	HOSE	0	50
199	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HOSE	50	50
200	HSL	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	HOSE	0	0
201	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên	HOSE	50	50
202	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	HNX	0	0
203	HTG	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	HOSE	45	50
204	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HOSE	50	50
205	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HOSE	0	0
206	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	HOSE	0	0
207	HTV	Công ty Cổ phần Logistics Vicem	HOSE	0	0
208	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	HOSE	0	0
209	HUB	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	HOSE	45	50
210	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	HNX	40	50
211	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	HOSE	30	50
212	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	HNX	50	50
213	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	HOSE	0	0
214	IDC	Tổng Công ty IDICO - CTCP	HNX	50	50
215	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HOSE	30	50
216	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	HNX	45	50
217	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	HOSE	50	50
218	ILB	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	HOSE	45	50
219	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	HOSE	50	50
220	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	HNX	0	0
221	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	HNX	45	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
222	IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	HNX	40	50
223	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	HOSE	30	50
224	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ ITD	HOSE	0	0
225	ITQ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	HNX	0	0
226	IVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	HNX	0	0
227	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	HOSE	50	50
228	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	HOSE	50	50
229	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	HOSE	50	50
230	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	HOSE	25	50
231	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	HOSE	30	50
232	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	HNX	0	0
233	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	HOSE	0	0
234	KMT	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	HNX	0	0
235	KOS	Công ty Cổ phần KOSY	HOSE	25	50
236	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	HOSE	50	50
237	KSF	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	HNX	0	0
238	KST	Công ty Cổ phần KASATI	HNX	0	0
239	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
240	KTS	Công ty Cổ phần Đường Kon Tum	HNX	0	0
241	L10	Công ty Cổ phần Lilama 10	HOSE	0	0
242	L14	Công ty Cổ phần Licogi 14	HNX	0	0
243	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	HNX	0	0
244	L40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	HNX	0	0
245	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	HOSE	0	0
246	LAS	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX	50	50
247	LBE	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	HNX	0	0
248	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	HOSE	40	50
249	LCD	Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	HNX	0	0
250	LCG	Công ty Cổ phần Lizen	HOSE	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
251	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	HOSE	35	50
252	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	HNX	45	50
253	LHG	Công ty Cổ phần Long Hậu	HOSE	50	50
254	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	HNX	0	0
255	LIX	Công ty Cổ phần Bột Giặt LIX	HOSE	50	50
256	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	HOSE	0	0
257	LPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	HOSE	50	50
258	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	HOSE	30	50
259	MAC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar	HNX	0	0
260	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	HOSE	50	50
261	MBG	Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG	HNX	0	0
262	MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	HNX	50	50
263	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	HNX	0	0
264	MCF	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	HNX	0	0
265	MCM	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	HOSE	50	50
266	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	HNX	0	0
267	MCP	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	HOSE	0	0
268	MDC	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	HNX	0	0
269	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	HNX	0	0
270	MHC	Công ty Cổ phần MHC	HOSE	0	0
271	MIG	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	HOSE	50	50
272	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy	HNX	0	0
273	MSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	HOSE	50	50
274	MSH	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	HOSE	50	50
275	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	HOSE	50	50
276	MST	Công ty Cổ phần Đầu tư MST	HNX	0	0
277	MVB	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - Công ty Cổ phần	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
278	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	HOSE	50	50
279	NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	HOSE	50	50
280	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	HOSE	40	50
281	NAG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa	HNX	0	0
282	NAP	Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	HNX	0	0
283	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	0	0
284	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	HOSE	35	50
285	NBC	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	HNX	35	50
286	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	HNX	0	0
287	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	HOSE	50	50
288	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	0	0
289	NDX	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	0	0
290	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	HNX	50	50
291	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	HNX	0	0
292	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	HOSE	0	0
293	NHC	Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp	HNX	0	0
294	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	HOSE	0	0
295	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	HOSE	0	0
296	NKG	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	HOSE	45	50
297	NLG	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	HOSE	50	50
298	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	HOSE	45	50
299	NOI	Công ty Cổ phần Tập đoàn 911	HOSE	0	0
300	NSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	HOSE	45	50
301	NSH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi	HNX	0	0
302	NST	Công ty Cổ phần Ngân Sơn	HNX	0	0
303	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	HOSE	50	50
304	NTH	Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong	HNX	0	0
305	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	HOSE	50	50
306	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	HNX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
307	OCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	HOSE	50	50
308	ONE	Công ty Cổ phần Công nghệ ONE	HNX	0	0
309	OPC	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	HOSE	50	50
310	ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	HOSE	30	50
311	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	HOSE	50	50
312	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	HOSE	50	50
313	PBP	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	HNX	0	0
314	PC1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	HOSE	50	50
315	PCE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Miền Trung	HNX	0	0
316	PCH	Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	HNX	30	50
317	PCT	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific	HNX	0	0
318	PDB	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư DIN Capital	HNX	0	0
319	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	HOSE	50	50
320	PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HOSE	50	50
321	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	HOSE	45	50
322	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50
323	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	HOSE	50	50
324	PGI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	HOSE	50	50
325	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	HNX	45	50
326	PHC	Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	HOSE	0	0
327	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	HNX	0	0
328	PHR	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	HOSE	50	50
329	PIA	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	HNX	0	0
330	PIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	HNX	0	0
331	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	HNX	0	0
332	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	HOSE	0	0
333	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần	HNX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
334	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	HOSE	0	0
335	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	HOSE	50	50
336	PMB	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	HNX	0	0
337	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	HNX	50	50
338	PMP	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	HNX	0	0
339	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	HNX	35	50
340	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	HOSE	0	0
341	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	HOSE	50	50
342	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	HOSE	50	50
343	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	50	50
344	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	HNX	0	0
345	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	0	0
346	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	HNX	40	50
347	PPY	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên	HNX	0	0
348	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	HNX	0	0
349	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	HNX	0	0
350	PSC	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	HNX	0	0
351	PSD	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	HNX	45	50
352	PSE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	HNX	0	0
353	PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	HNX	0	50
354	PSW	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	HNX	0	0
355	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	HOSE	50	50
356	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư ICAPITAL	HOSE	0	0
357	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	HNX	0	0
358	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
359	PTX	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	HNX	0	0
360	PVB	Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	HNX	45	50
361	PVC	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	HNX	45	50
362	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	HOSE	50	50
363	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	HNX	30	50
364	PVI	Công ty Cổ phần PVI	HNX	50	50
365	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	HOSE	50	50
366	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	HNX	50	50
367	PVT	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	HOSE	50	50
368	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	HOSE	0	0
369	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	HNX	0	0
370	QNP	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	HOSE	0	0
371	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	HNX	0	0
372	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	HNX	0	0
373	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	HOSE	0	0
374	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	HNX	0	0
375	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	HOSE	50	50
376	RYG	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	HOSE	0	0
377	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	HOSE	0	0
378	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	HNX	0	0
379	S99	Công ty Cổ phần SCI	HNX	0	0
380	SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	HOSE	50	50
381	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO	HNX	0	0
382	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	HOSE	35	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
383	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	HOSE	45	50
384	SBG	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba	HOSE	30	50
385	SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	HOSE	50	50
386	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	HOSE	0	0
387	SCG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	HNX	0	0
388	SCR	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	HOSE	35	50
389	SCS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	HOSE	50	50
390	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	HNX	0	0
391	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	HNX	0	0
392	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	HNX	0	0
393	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	HNX	0	0
394	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung	HNX	50	50
395	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	HNX	0	0
396	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	HOSE	0	0
397	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	HOSE	40	50
398	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	HOSE	45	50
399	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	HNX	0	0
400	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	HNX	0	0
401	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	HNX	0	0
402	SGN	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	HOSE	50	50
403	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	HOSE	30	50
404	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	HOSE	0	50
405	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	HOSE	0	0
406	SHB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	HOSE	50	50
407	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	HNX	0	0
408	SHI	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	HOSE	30	50
409	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	HNX	0	0
410	SHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	HOSE	50	50
411	SHS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	HNX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
412	SIP	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	HOSE	50	50
413	SJ1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	HNX	0	0
414	SJD	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	HOSE	50	50
415	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	HNX	0	0
416	SJS	Công ty Cổ phần SJ Group	HOSE	40	50
417	SKG	Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang	HOSE	50	50
418	SLS	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	HNX	50	50
419	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	HOSE	50	50
420	SMN	Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Miền Nam	HNX	0	0
421	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	HOSE	0	0
422	SRC	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	HOSE	0	0
423	SSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	HOSE	50	50
424	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	HOSE	45	50
425	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	HOSE	50	50
426	ST8	Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8	HOSE	0	0
427	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	HOSE	50	50
428	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	HNX	0	0
429	STG	Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam	HOSE	45	50
430	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	HOSE	0	0
431	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	HNX	0	0
432	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	HOSE	50	50
433	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	HOSE	50	50
434	SVN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam	HNX	0	0
435	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HOSE	0	0
436	SZB	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	HNX	50	50
437	SZC	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	HOSE	50	50
438	SZL	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	HOSE	45	50
439	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	HNX	0	0
440	TBC	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	HOSE	45	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
441	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	HOSE	50	50
442	TCH	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	HOSE	50	50
443	TCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	HOSE	0	0
444	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	HOSE	50	50
445	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	HOSE	50	50
446	TCO	Công ty Cổ phần TCO Holdings	HOSE	20	50
447	TCT	Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh	HOSE	40	50
448	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	HOSE	30	50
449	TDG	Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global	HOSE	0	0
450	TDM	Công ty Cổ phần Nước Thù Dầu Một	HOSE	45	50
451	TDP	Công ty Cổ phần Thuận Đức	HOSE	0	0
452	TDT	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	HNX	0	0
453	TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	HOSE	0	0
454	TEG	Công ty Cổ phần Năng Lượng và Bất động sản Trường Thành	HOSE	0	0
455	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	HNX	0	0
456	TFC	Công ty Cổ phần Trang	HNX	0	50
457	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	HNX	0	0
458	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HOSE	45	50
459	THS	Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà	HNX	0	0
460	TIP	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	HOSE	50	50
461	TJC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	HNX	0	0
462	TKU	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang	HNX	0	0
463	TLĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	HOSE	0	0
464	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	HOSE	50	50
465	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
466	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	HNX	0	0
467	TMP	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	HOSE	50	50
468	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	HOSE	45	50
469	TMX	Công ty Cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	HNX	0	0
470	TN1	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	HOSE	0	0
471	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	HOSE	0	0
472	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	HNX	50	50
473	TNT	Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT	HOSE	0	0
474	TOT	Công ty Cổ phần Transimex Logistics	HNX	0	0
475	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	HOSE	50	50
476	TPP	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	HNX	0	0
477	TRA	Công ty Cổ phần Traphaco	HOSE	50	50
478	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	HOSE	50	50
479	TSB	Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng	HNX	0	0
480	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	HOSE	30	50
481	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	HNX	0	0
482	TTT	Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	HNX	0	0
483	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	HOSE	45	50
484	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	HNX	0	0
485	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap	HOSE	20	50
486	TVC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp	HNX	0	0
487	TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	HNX	40	50
488	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	HOSE	35	50
489	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	HOSE	0	0
490	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	HOSE	0	0
491	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	HOSE	40	50
492	UNI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	HNX	0	0
493	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	HNX	0	0
494	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
495	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	HNX	0	0
496	VC3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	HNX	40	50
497	VC6	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	HNX	0	0
498	VC7	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	HNX	0	0
499	VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	HOSE	50	50
500	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	HNX	0	0
501	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	HOSE	50	50
502	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	HOSE	50	50
503	VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	HOSE	50	50
504	VCM	Công ty Cổ phần BV Life	HNX	0	0
505	VCS	Công ty Cổ phần VICOSTONE	HNX	50	50
506	VDL	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	HNX	0	0
507	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	HOSE	0	0
508	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	50	50
509	VFG	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	HOSE	50	50
510	VFS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	HNX	30	50
511	VGC	Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần	HOSE	50	50
512	VGP	Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	HNX	0	0
513	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE	HNX	35	50
514	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	HOSE	50	50
515	VHE	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	HNX	0	0
516	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	HOSE	50	50
517	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	HOSE	50	50
518	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	HOSE	50	50
519	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	HOSE	0	0
520	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần	HNX	0	0
521	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	HOSE	50	50
522	VIT	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	HNX	0	0

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
523	VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	HOSE	50	50
524	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	HOSE	50	50
525	VLA	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	HNX	0	0
526	VMC	Công ty Cổ phần VIMECO	HNX	0	0
527	VMS	Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	HNX	0	0
528	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	HNX	0	0
529	VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	HOSE	50	50
530	VNF	Công ty Cổ phần Vinafreight	HNX	0	0
531	VNL	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	HOSE	0	0
532	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	HOSE	50	50
533	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	HNX	50	50
534	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	HOSE	0	0
535	VPD	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	HOSE	50	50
536	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	HOSE	30	50
537	VPI	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú	HOSE	45	50
538	VPS	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	HOSE	0	0
539	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	HOSE	50	50
540	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	HOSE	50	50
541	VSA	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	HNX	0	0
542	VSC	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	HOSE	50	50
543	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HOSE	0	0
544	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	HNX	0	0
545	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	HOSE	0	0
546	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	HNX	0	0
547	VTP	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	HOSE	50	50
548	VTZ	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	HNX	20	50
549	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	HNX	50	50

DANH MỤC CHO VAY KÝ QUỸ

STT	Mã CP	Tên doanh nghiệp	Sàn Giao dịch	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ cho vay tối đa danh mục mở rộng (%)
550	X20	Công ty Cổ phần X20	HNX	0	0
551	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	HOSE	0	0
552	YEG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	HOSE	20	50

Lưu ý: Tỷ lệ cho vay từng mã chứng khoán trên từng tài khoản khách hàng có thể khác với bảng Danh mục cho vay ký quỹ nêu trên, tùy thuộc vào sản phẩm dịch vụ khách hàng sử dụng và quy định của VPBankS về sản phẩm dịch vụ đó từng thời kỳ